

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 35

Phẩm 8: NÓI VỀ TRÍ (PHẦN 1)

Như thế đã căn cứ ở sự sai khác của các đạo, nhằm lập ra Bồ-đặc-già-la Hiền Thánh. Trong chỗ dựa vào đạo nói như thế này: “Chánh kiến, chánh trí gọi là chi Vô học, nên ở đây phải xem xét, tư duy lựa chọn.

Là có kiến tuệ không phải trí và có trí tuệ không phải kiến nên lập riêng hai chi kiến, trí phải không?

Cũng có thì thế nào?

Tụng rằng:

*Nhãn, tuệ Thánh, chẳng trí
Tận Vô sinh chẳng kiến
Còn hai tuệ hữu lậu
Sáu kiến, tánh đều trí.*

Luận chép: Tuệ có hai thứ: Hữu lậu và vô lậu. Chỉ có tuệ vô lậu đặt tên hiệu Thánh. Tám nhãn trong tuệ Thánh này chẳng phải là tánh trí. Vì sao? Vì không phải tánh quyết đoán, vì chỉ nghĩa quyết đoán là nghĩa của trí.

Hỏi: Sao tám nhãn không thể quyết đoán?

Đáp: Vì hoài nghi, tự mình dứt được thuận theo nối nhau sinh, hoặc cảnh tìm thấy, ý ưa thôi dứt. Gia hạnh thông thả, gọi là trí. Các nhãn chánh khởi tìm tòi, so lường, ưa thích, vì gia hạnh mạnh mẽ, nên không thuộc về trí, mà gọi là kiến, là vì tánh tìm tòi so lường. Hai trí tận và vô sinh không phải tánh kiến, vì ý tìm tòi so lường ưa thích, hoàn toàn thôi dứt. Vì đã khởi gia hạnh thông thả mà gọi là trí, vì tánh quyết đoán, pháp khác đều có cả hai tánh trí, kiến. Vì đã dứt trừ tánh so lường, tìm tòi, ngờ vực ở chính mình, nghĩa là tám nhãn trước, tận vô sinh khác. Tám trí Hữu học, chánh kiến Vô học, mỗi loại đều thuộc có cả tánh trí

kiến.

Hỏi: Lẽ nào không phải hẳn, Khi các đạo Vô gián cũng tự mình đối trị, hoặc được tùy sinh, đều chánh khởi tìm tòi so lường ý lạc và gia hạnh mạnh mẽ nên không thuộc về trí và trái với tận, vô sinh, các đạo Giải thoát khác, v.v... đều chẳng phải kiến?

Đáp: Vấn nạn này không đúng. Vì các đạo Vô gián khác không có nghi ngờ phẩm mình, vì được thuận theo nối tiếp nhau sinh Vô gián hữu lậu không vận hành lý đế, vì với dứt nghi, được không trái với người thân. Lại, kiến kia chỉ thấy cảnh đã từng thấy, không phải như tám nhãn vì rất trái với trí. Sự giải thoát, v.v... khác, không phải hoàn toàn dứt tìm cầu, khởi gia hạnh không phải quá thông thả, vì đều có sự tạo tác về sau. Do đó, tất cả đều có cả hai thứ, vì đều đủ công dụng tìm tòi, so lường, quyết đoán. Các tuệ hữu lậu đều thuộc về tánh trí, trong đó, chỉ có sáu cũng là tánh kiến. Nghĩa là năm kiến nhiễm ô, chánh kiến thế gian là sáu.

Có sư khác nói: Năng phát thân, ngữ được năm thứ dẫn dắt và khi qua đời, ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu thiện, cũng không phải tánh kiến. Vì chuyển vận môn ngoại, vì như có thể dẫn, vì thế lực yếu kém. Sự kiện này cũng không đúng, vì không nên thừa nhận, vì không phải chắc chắn, vì khế kinh nói. Nghĩa là không nên thừa nhận, chỉ chuyển vận môn nội, mới là tánh kiến. Chớ cho rằng trong tuệ Thánh, thân niệm trụ ngoài, không thuộc về tánh kiến. Nhưng khế kinh nói: “Đối với thân ngoài, noi theo thân quán là thuộc về tánh kiến, cũng chẳng phải nhất định như năm thức thân được dẫn phát do ý thức”.

Tánh chuyển vận như thế do ý thức đã dẫn phát thiện kia, v.v... đôi khi cũng là bất thiện, v.v... Do đó lẽ ra không được dẫn do ý thức, đồng với năm thức, chủ thể dẫn sinh là tánh vô phân biệt, như khế kinh nói: “Có khi qua đời, được chánh kiến đều có tâm, tâm sở thiện, nên nói tuệ thiện hiện có của địa ý đều thuộc về tánh kiến, về mặt lý là đúng”.

Như thế, đã nói tuệ hữu lậu của bậc Thánh đều là trạch pháp, nên đều thuộc về tánh tuệ.

Hỏi: Trí có bao nhiêu thứ? Tương riêng thế nào?

Tụng rằng:

*Trí mười gồm có hai
Hữu lậu, vô lậu khác
Hữu lậu gọi thế tục,
Vô lậu gọi Pháp Loại*

*Thế tục làm cảnh khắp.
Pháp trí và Loại trí
Như cõi Dục cõi trên
Duyên Khổ để làm cảnh.*

Luận chép: Trí có mười thứ gồm nhiếp tất cả trí:

1. Thế tục trí.
2. Pháp trí.
3. Loại trí.
4. Khổ trí.
5. Tập trí.
6. Diệt trí.
7. Đạo trí.
8. Tha tâm trí.
9. Tận trí.
10. Vô sinh trí.

Mười trí như thế gồm chỉ hai thứ, vì sự sai khác của tánh hữu lậu, vô lậu, tướng hai trí như thế, chia ra làm có ba, đó là thế tục trí, pháp trí và loại trí. Trí hữu lậu trước, gọi chung là thế tục. Tính chất của vật bình, y phục, có thể hủy hoại, vì biểu thị rõ ở tình tục, nên gọi là thế tục. Trí này thường chấp lấy cảnh thế tục, nên đa số chuyển biến thuận với việc tục của thế gian. Từ chỗ phần nhiều mà đặt tên gọi trí thế tục, đều lấy nghĩa vượt hơn thuận với chuyển biến thắng nghĩa, nhưng là cảnh ái, vì không có công năng vượt hơn, dứt mọi hoặc trong, nên không phải vô lậu. Hoặc chỉ che lấp xuất thế, dẫn phát thế gian, được gọi là thế tục, thể tức vô trí, trí tùy theo danh, được gọi là trí kia, ý biểu thị rõ danh này, gọi trí hữu lậu.

Có thuyết nói: Các cõi gọi là thế tục. Trí này phần nhiều là nguyên nhân đi qua các cõi, từ quả được tên, được gọi là thế tục trí.

Có thuyết nói: Trí từ vô thỉ đến nay, trong thân sinh tử, chuyển biến, biểu hiện rõ, do đó nên đặt tên gọi là trí thế tục. Hoặc thuận theo trôi lăn trong các hữu không dứt, gọi là thế tục trí, tất cả thời gian thuận theo các hữu chuyển biến nối tiếp nhau. Hoặc trí này đối với tất cả cảnh hay phát bóng khắp, được gọi là thế tục, vì đơn độc có thể duyên khắp tất cả. Trí vô lậu sau được chia làm hai thứ: hai tên pháp và loại được gọi riêng. Về nghĩa của hai tên gọi này như trước đã giải thích, đó gọi là hai trí phân biệt nhau thành ba. Tâm định tương ưng hành tướng chuyển biến của bậc Thánh. Hai trí hữu lậu, vô lậu đâu có khác. Vô lậu đối với hành tướng của cảnh sáng suốt, nhạy bén. Trí hữu lậu kia trái với trí vô

lậu này, như tro của hai cây gỗ khác của Khiết-địa-la, thế dụng ở gỗ đốt, rèn luyện riêng, và mùi hương hơn kém, với công dụng hay xông khác nhau, thế nhiệt của lửa đốt cỏ và sắt có khác, hai trí đối nhau sai khác cũng vậy. Hoặc trí thế tục sau khởi tăng thượng mạn, vô lậu không như vậy, nên có sai khác, lại, trí thế tục và cảnh của pháp, loại trí, vì có rộng, hẹp nên có sai khác. Nghĩa là trí thế tục dùng khắp tất cả hữu vi, vô vi làm cảnh đối tượng duyên, do khế kinh nói: “Có trí tục thiện biết khắp các khổ”. Nói rộng cho đến biết khắp hư không, phi trạch diệt. Cũng có người dùng hành tướng phi ngã, duyên chung tất cả pháp làm cảnh, vì khế kinh nói: “Các hành phi thường, tất các pháp phi ngã, Niết-bàn vắng lặng. Pháp trí chỉ duyên bốn đế cõi Dục, loại trí duyên chung bốn đế của hai cõi trên. Do cảnh của ba trí này có sai khác, tức đối với ba thứ trí như thế”.

Tụng rằng:

*Pháp loại do cảnh khác
Đặt bốn tên như khổ...
Đều là Tận Vô sinh
Đều chỉ loại khổ tập.*

Luận chép: Pháp trí, loại trí do cảnh sai khác, chia làm bốn trí: Khổ, tập, diệt, đạo.

Vì sao tục trí duyên khổ, v.v... tạo ra hành tướng khổ, v.v... mà không phải trí khổ, v.v...? Do hành giả kia trước dùng các hành tướng như khổ, v.v... quán khổ, v.v... rồi. Thời gian sau, lại chấp nhận vì quán cảnh khổ, v.v... làm vui, v.v... Lại được trí thế tục như thế rồi, về sau, duyên đế, vì nghi chấp nhận hiện hành.

Sáu trí như thế, nếu thuộc về Vô học thì không phải tánh kiến, gọi là tận, vô sinh. Hai trí này bắt đầu sinh chỉ có khổ, tập loại, vì duyên sáu thứ hành tướng khổ, tập, vì duyên uẩn Hữu Đảnh làm cảnh giới. Nếu định Kim cương dụ duyên khổ, tập thì đồng với cảnh này, duyên diệt, đạo thì khác.

Nếu vậy thì chẳng lẽ không trái với giáo, như nói: Ở tận có bắt đầu trí sinh. Từ Vô gián này có thể tự thấu đạt, không có lỗi trái với giáo. Trí bắt đầu sinh này đối với tận, tiếng là nói hữu thứ bảy, không phải cảnh thứ bảy nên gọi là có phiền não không còn sót nên trí lúc đầu sinh không phải trí này sinh, mà duyên với tận trí làm cảnh, thì đâu có gì trái bỏ!

Ý lời nói kia biểu thị rõ có hoặc trong thân, không có trí này sinh, phải có hoặc tận, trước đã nói trong chín thứ trí.

Tụng rằng:

*Pháp, loại, đạo, thế tục
 Có thành tha tâm trí
 Đối vị, căn địa hơn
 Đời quá, vị không biết.
 Pháp, loại không biết nhau
 Thanh văn, Lân dụ Phật
 Thứ lớp biết Kiến đạo
 Hai, ba niệm tất cả.*

Luận chép: Có pháp, loại, đạo và trí thế tục, thành tha tâm trí, trí khác thì không như vậy.

Lẽ nào không phải đạo trí lìa pháp loại không có, lẽ ra chỉ nói hai thành tha tâm trí. Về lý, thật ra như thế. Vì rõ ràng trí tha tâm chỉ biết cảnh đồng loại, nên nói thế này: “Nghĩa là vì biểu thị rõ thành pháp, loại trí này, biết pháp tâm, tâm sở vô lậu của người khác là thuộc về đạo trí, không phải khổ, tập trí, do trí vô lậu chắc chắn, không thể biết tâm, tâm sở hữu lậu của người khác. Pháp tâm, tâm sở vô lậu của thân người khác, vì tế, vì vượt hơn, nên không phải cảnh của trí tha tâm hữu lậu mình có. Lý ấy có thể như vậy”.

Vì sao trí tha tâm vô lậu của thân mình không thể biết tâm, tâm sở hữu lậu của người. Đối với cảnh hữu lậu, trí vô lậu sinh, vì hành tướng, đối tượng duyên khác với trí này, nghĩa là trí vô lậu khi duyên hữu lậu, là duyên chung hành tướng chán trái. Cho nên, chắc chắn không thể duyên riêng tâm, tâm sở của người thành trí tha tâm vì các trí Thánh khi duyên hữu lậu thì đối với đối tượng duyên sinh chán trái sâu xa, ưa vứt xả cái chung, không thích quán riêng, vì khi duyên vô lậu, sinh ưa thích.

Đã quán chung rồi, cũng ưa quán riêng.

Như có thấy, nghe, không phải việc được yêu, duyên chung, bèn xả, không ưa duyên riêng. Đối với đối tượng được yêu thì không như vậy, mà thấy, nghe chung rồi, cũng ưa duyên riêng. Cho nên, đối với tâm, v.v... hữu lậu của người thì không có trí Thánh pháp quán riêng, thành trí tha tâm vô lậu duyên tâm hữu lậu, vì tha tâm trí chắc chắn đối với pháp tâm, tâm sở của người khác, vì phân biệt biết riêng.

Lẽ nào không phải trí nhãn, khổ, tập thuộc về ba niệm trụ, dù có mà không phải, chỉ duyên một pháp, mà duyên nhiều thể. Lại, trí tha tâm có tướng chắc chắn, nghĩa là không có biết hai đời quá khứ, vị lai vượt hơn và phẩm pháp, loại không biết lẫn nhau. Sự vượt hơn lại có

ba, nghĩa là địa, căn, vị. Địa, nghĩa là ở địa dưới, trí không biết tâm của địa trên. Về nghĩa chỉ có thể biết, địa ở dưới mình. Căn, là lúc Tín giải, căn giải thoát, trí không biết Kiến chí, tâm Bất thời giải thoát. Vị, nghĩa là quả ứng hợp của Thanh văn Bất hoàn, là Độc giác, Đại giác. Trí của vị trước trước, không biết tâm người có vị vượt hơn sau sau. Về nghĩa, chỉ có thể biết vị căn địa dưới của mình, nhưng trí tha tâm và cảnh của đối tượng nhận thức, căn địa đã khác, nên biết cũng khác. Pháp tâm, tâm sở hữu lậu, đối tượng nhận thức, từng chưa hề được, đều có mười lăm. Nghĩa là bốn tĩnh lự cỡi Dục đều là căn hạ, trung, thượng. Trí có thể biết, chỉ trừ ba phẩm cỡi Dục từng, chưa hề được, đều có mười hai. Đối tượng nhận thức vô lậu và trí kia có thể biết đều trừ ba dục, đều có mười hai. Vả lại, các hữu lậu chưa được. Trí tha tâm thuộc về căn địa dưới sinh, thuận theo đối tượng thích ứng, có thể biết phẩm tâm ba căn của địa dưới, căn dưới của địa mình. Phẩm trung cũng biết phẩm trung của địa mình, phẩm thượng, thấu đạt chung ba địa dưới của mình. Trí tha tâm của căn hạ vô lậu khởi, chỉ biết căn dưới, địa mình, trung cũng biết trung, thượng gồm biết thượng.

Vì sao trí hữu lậu, vô lậu sinh. Biết tâm địa dưới, ít nhiều có khác. Ba phẩm hữu lậu có thể một thân thành. Vô lậu thuận theo căn lập sai khác Thánh, còn không có một thành hai phẩm căn, hướng chi có thành ba, nên có sai khác.

Sao nói là một Bồ-đặc-già-la thành chín phẩm đạo, dứt chín phẩm hoặc. Sự sai khác của đạo này không phải căn có khác, là do nhân lớn dần, đạo sau càng tăng, như thứ lớp có thể khiến dứt nhiều phẩm hoặc. Hoặc các chủng tánh đều có chín phẩm, thành một, chín phẩm, không thành phẩm khác, nên lời nói trước, sau không có lỗi trái nhau, nên chỗ dựa địa trên khởi tâm căn dưới, có tâm căn trên là chỗ dựa địa dưới khởi, địa và căn vượt lẫn nhau, sẽ không biết nhau, Ở vị địa, căn vị đối nhau cũng vậy, trí tha tâm này không biết quá khứ, vị lai. Vốn biết là chủ thể duyên pháp tâm, tâm sở, nên hai phẩm pháp, loại không biết lẫn nhau.

Hai trí này, như thứ lớp từ cỡi Dục đến toàn phần cỡi trên, đối trị được duyên, nên trí tha tâm này trong Kiến đạo không quán chung lý đế, vì chuyển vận rất nhanh chóng, nhưng đều chấp nhận làm cảnh tha tâm trí. Bậc Thánh ba thừa, hai thừa trung, hạ khi khởi trí này, thì cần phải gia hạnh. Gia hạnh Thanh văn hoặc thượng, hoặc trung, Dự Lân giác chỉ cần gia hạnh phẩm hạ. Đức Phật không có gia hạnh, mà tùy ý muốn liền biểu hiện ở trước. Nếu các hữu tình sắp nhập Kiến đạo Thanh

văn, độc giác, dự tu gia hạnh. Vì muốn biết tâm của vị Kiến đạo. Các hữu tình kia nhập vị Kiến đạo, gia hạnh phần pháp Thanh văn, nếu mãn thì biết Kiến đạo. Với tâm niệm Sơ, Nhị, nếu lại biết tâm phần loại, nên tu riêng gia hạnh, đến gia hạnh mãn, tâm kia đã vượt qua đến tâm thứ mười sáu. Mặc dù biết tâm này không phải biết Kiến đạo. Cho nên, nói là tâm kia chỉ biết hai niệm. Dự Lâm giác, gia hạnh phần pháp nếu mãn thì biết tâm niệm Sơ, Nhị của Kiến đạo. Nếu lại biết tâm phần loại, nên gia hạnh tu riêng, đến gia hạnh mãn, biết tâm loại trí tập thứ tám.

Có sư khác nói: Biết thứ mười lăm.

Có thuyết nói: Dự Lâm giác biết bốn sát-na. Nghĩa là tâm Sơ, Nhị, thứ tám, thứ mười bốn.

Nói này nói hợp lý. Vì sao? Vì thừa nhận từ khi biết tâm niệm Sơ, Nhị rồi, chỉ cách năm niệm, biết tâm thứ tám. Nếu lại tu gia hạnh phần pháp, sẽ trải qua khoảng khắc năm niệm, gia hạnh nên phải thành. Sao không thừa nhận biết niệm thứ mười bốn.!

Có sư khác cũng nói: Biết bốn sát-na. Nghĩa là tâm thứ nhất, thứ hai, thứ mười một, thứ mười hai. Đức Phật đối với tất cả công đức cao quý, tùy ý muốn hiện tiền, vì tâm tự tại ở mười lăm niệm có khả năng biết theo thứ lớp. Vì Phật, Thế tôn đã trải qua ba vô số kiếp, tinh tiến siêng năng tu tập vô lượng tư lương, nên thu đạt diệu trí cao quý khó nghĩ bàn, đủ thể dụng lớn, tùy ý muốn có thể biết. Mặc dù trí này sinh, cũng biết tâm sở, nhưng tu gia hạnh vốn vì biết tâm, như Không xứ, v.v... gọi là tha tâm trí.

Hiếp Tôn giả nói: Dẫn trí này sinh, thì trước phải biết tâm, sau mới biết sở. Ngay từ đầu, chỉ đặt tên gọi là Tha tâm trí, khi dẫn trí này tu gia hạnh nào? Trước nên quán sát hiển hình của thân, tiếng nói được ưa thích, biểu hiện tâm sai khác. Nghĩa là hành giả kia, khi tu nghiệp đầu tiên, vì muốn xem xét biết sự sai khác của tha tâm trí, trước xem xét quán sát hiển hình của thân mình, tiếng nói mình ưa thích, nguyên nhân nào có riêng? Bèn biết hiển hình, v.v... có sai khác do tâm. Kế là, lại xem xét, quán sát hiển hình, v.v... của thân người khác, cũng do tâm có sai khác sinh.

Do đó, thời gian sau, lìa thân, ý cõi Dục, điều phục nhu hòa thanh tịnh, dẫn định vượt hơn sinh. dựa vào định, phát sinh có trí oai đức. Trí này chân thật soi thấy tâm người khác. Như mỗi thứ chỉ vân màu trong ngọc minh châu, với tướng sai khác rõ ràng có thể được, đó gọi là tu gia hạnh tha tâm trí thế tục. Nếu khi tu tha tâm trí vô lậu, dùng khổ trí quán phi thường, v.v... làm gia hạnh. Vị gia hạnh này duyên cả sắc, tâm, đến

khi thành mãn, duyên tâm không phải sắc. Lại, vị gia hạnh duyên tâm mình, người đến khi hoàn thành viên mãn, duyên người, không phải mình.

Hai tướng: Tận trí và vô sinh trí khác nhau thế nào?

Tụng rằng:

*Trí đối bốn Thánh đế
Biết ta, đã biết thấy
Không nên lại biết nữa
Thứ lớp Tận, Vô sinh.*

Luận chép: Như ở luận này nói: Thế nào là tận trí? Nghĩa là vị Vô học, nếu chánh tự mình biết: Ta đã biết khổ, ta đã dứt tập, ta đã chứng diệt, ta đã tu đạo. Do đó, trí, kiến, quán, minh, giác, giải, tuệ, quang hiện có gọi là tận trí”.

Hỏi: Thế nào là trí vô sinh?

Đáp: Nghĩa là chánh tự biết: Ta đã biết khổ, không còn biết nữa, nói rộng cho đến: “Ta đã tu đạo, không còn tu nữa, do biết hiện có này đó gọi là trí Vô sinh”. Do khi bốn ý ưa thích chuyển vận hai trí, với sức năng dẫn khởi trí giải như thế, không phải vào lúc chuyển vận của hai trí vô lậu, vì hiểu vô phân biệt như thế, nghĩa là sau phát ra hai trí sau trong hậu đắc thì mới tạo ra sự phân biệt hai loại. Hai phân biệt này, sau hai trí sinh, là vì được dẫn do sức tận vô sinh, vì hai tục trí này là quả sĩ dụng kia.

Nêu hai quả nhằm biểu thị sự sai khác của hai trí. Về lý, nên như vậy. Nói là do đó, nên chỗ dựa là nghĩa này, nói là do tiếng “này”, tức là vì tất cả nghĩa trí này. Không như vậy thì nên nói: tất cả các quán hạnh như thế là vốn khi tu hành, chắc chắn khởi ý ưa thích, phải trông mong như đây, nghĩa là khi ta sẽ chứng A-la-hán, phải nên khởi trí xem xét, giám sát-này, nên nay xuất quán, trí này sẽ sinh. Vì khiến sự sinh này là chỗ trí khởi, tùy theo nên, kiến đặt tên gọi tận vô sinh, tức là nghĩa nơi hậu trí sinh chỗ dựa, nên nói: giải thích này, về lý, tất nhiên nên như thế.

Mười trí như thế, gồm nhiếp lẫn nhau. Nghĩa là trí thế tục gồm nhiếp hoàn toàn, một phần ít. Pháp, loại trí đều gồm nhiếp hoàn toàn, bảy phần ít. Trí khổ, tập, diệt, đều gồm nhiếp hoàn toàn, bốn phần ít. Đạo trí gồm nhiếp hoàn toàn, năm phần ít. Trí tha tâm gồm nhiếp một hoàn toàn, bốn phần ít. Trí tận, vô sinh đều gồm nhiếp một hoàn toàn, sáu phần ít.

Hỏi: Vì sao hai trí lập ra làm mười?

Tụng rằng:

*Do tự tánh, đối trị
Hành tướng, cảnh hành tướng
Gia hạnh nói nhân đủ
Nên lập ra mười trí.*

Luận chép: do bảy duyên, nên lập hai làm mười:

1. Vì tự tánh nên lập trí thế tục, vì dùng trí thế tục làm tự tánh.
2. Vì đối trị nên lập pháp, loại trí, vì hoàn toàn có thể đối trị cõi Dục và cõi trên.
3. Vì hành tướng nên lập trí khổ, tập, vì thể cảnh của hai trí này không khác.
4. Vì cảnh hành tướng nên lập trí diệt, đạo, vì cảnh hành tướng của hai trí này đều có khác.
5. Vì gia hạnh, nên lập trí tha tâm, không phải gia hạnh này không biết pháp tâm sở của người, vốn tu gia hạnh vì biết tâm người khác, dù tu thành mãn, cũng vẫn biết tâm sở, nhưng vì căn cứ ở gia hạnh, nên đặt tên gọi là tha tâm trí. Gia hạnh như trước đã phân biệt cụ thể.
6. Vì làm việc nên lập ra tận trí. Việc đã làm xong, trong thân chắc chắn đầu tiên sinh trí.
7. Vì nhân viên mãn nên lập vô sinh trí, vì tất cả Thánh đạo đều làm nhân sinh, nghĩa là có tận trí nào không phải vô sinh trí, vì làm nhân nên sinh, và không có vô sinh trí nào không dùng tận trí làm nhân nên khởi.

Như trên đã nói: Pháp trí, loại trí hoàn toàn có khả năng đối trị pháp cõi Dục, cõi trên, là có phần ít trị dục trên chăng?

Tụng rằng:

*Pháp trí duyên diệt, đạo
Đối với vị Tu đạo
Gồm tu trị dứt trên
Loại không thể trị Dục.*

Luận chép: Pháp trí diệt, đạo thuộc về tu đạo, gồm cả chủ thể đối tu trị dứt cõi trên. Pháp trí đối với bốn đế, pháp cõi Dục, hoàn toàn có khả năng đối trị. Pháp trí đối với kiến dứt của cõi Dục, cũng vì saon giữ đối trị, nên chủ thể trị, đối tượng đối trị đều được gọi là hoàn toàn. Đối với cõi trên, đều có thiếu, đều gọi là phần ít.

Hỏi: Vì sao chỉ có pháp trí diệt, đạo gồm trị cõi trên mà không phải khổ, tập?

Đáp: Vì đối tượng duyên vắng lặng, đồng với xuất ly, nghĩa là diệt

trên cõi Dục và đạo, chủ thể trị lẫn lượt đối nhau, tướng không khác nhau, vì các trạch diệt đều thiện, đều thường, tất cả Thánh đạo đều có công năng xuất ly. Khổ, tập, đối tượng duyên trên cõi Dục, không đồng ít, nhiều, tế, thô trên, dưới, khác nhau. Lại, trí khổ, tập duyên theo cảnh chán, không chấp nhận cảnh chán kia, nên ở đây lìa xả tham. Về lý, khi nhằm chán địa này, tức dứt trừ phiền não của địa này. Nếu thừa nhận khác, nhằm chán khác với lìa tham, nên phải khác với lìa tham, khác với giải thoát. Nếu thừa nhận không chán cõi Sắc, cõi Vô sắc, mà vẫn có thể lìa tham của cõi ấy, tập nhằm chán lìa tham, thì về mặt lý, lẽ ra phải hư hoại. Hai trí diệt, đạo không duyên theo cảnh chán, duyên cõi dưới, đối trị cõi trên cũng không lỗi.

Lại, như quán bất tịnh và ưa muốn Niết-bàn, nghĩa là quán bất tịnh duyên theo cảnh cõi Dục, chỉ có thể khiến tâm chán trái cõi Dục, ưa muốn Niết-bàn khi hiện ở trước, có thể khiến tâm chán trái khắp ba cõi.

Như thế, duyên cõi Dục, khổ, tập trí sinh, chỉ có thể khiến tâm lìa nhiễm cõi Dục. Duyên pháp cõi Dục, diệt trí, đạo trí sinh, mà khắp có thể khiến tâm lìa nhiễm ba cõi. Cho nên chấp nhận phẩm pháp trí diệt, đạo tăng cho đến được thành định Kim cương dụ. Do đó, đại Thánh diệu khéo nhận biết rõ, dựa hoàn toàn ở môn đối trị để lập pháp, loại trí, phần ít pháp trí có công năng đối trị cõi trên, Loại trí không có công năng đối trị cõi Dục, phải đối với việc làm của cõi mình đã chu toàn, thì mới có thể gồm công việc làm cõi khác, không phải các loại trí. Là khi sự mình đã thành, sự người khác chưa thành, mà có nghĩa cần giúp đỡ, nên không có loại trí, là pháp đối trị cõi Dục.

Lẽ nào không phải đạo loại trí thứ mười sáu sinh, nhờ trí này, có thể trị hoặc cõi Dục? Sắp dứt trừ hoặc cõi Dục, loại trí không hiện hành. Nếu thừa nhận hiện hành, vì bị câu thúc, trở ngại do chướng của cõi mình, nên không có thể lực để giúp đỡ thành tựu cõi khác, những việc làm của pháp trí. Do đó loại trí không có công năng đối trị ở cõi Dục.

Hỏi: Trong mười trí này, trí có hành tướng thế nào?

Tụng rằng:

*Pháp trí và Loại trí
Hành tướng đều mười sáu
Tục trí đây và khác
Trí bốn để đều bốn
Trí tha tâm vô lậu
Chỉ bốn là duyên đạo*

*Hữu lậu tự duyên nhau
 Đều chỉ duyên một việc
 Tận Vô sinh mười bốn
 Tức là không, phi ngã.*

Luận chép: Pháp trí, loại trí mỗi trí có đủ mười sáu hành tướng. Không phải thường, khổ, v.v... mười sáu hành tướng này ở sau sẽ giải thích rộng. Thế trí có hành tướng này và lại có hơn, vì có thể duyên tự tướng, cộng tướng của tất cả pháp, nghĩa là trí thế tục. Hoặc có tạo tác đủ mười sáu hành tướng, như trong vị Noãn, Đảnh, Nhãn, hoặc có khi không đủ, như Tam-ma-địa của Thế đệ nhất và trí thế tục, v.v... bên hiện quán. Hoặc có tạo tác riêng, hành tướng phi Thánh, như quán bất tịnh, niệm hơi thở, từ, v.v... Các hành tướng của trí thế tục vô bên. Bốn trí như khổ trí, v.v... mỗi trí đều có duyên với bốn hành tướng, theo cảnh của đế mình. Trong tha tâm trí, nếu là vô lậu thì chỉ có duyên bốn thứ hành tướng của đạo. Hành tướng này tức thuộc về một phần của đạo trí. Nếu là hữu lậu, thì nhận lấy duyên với cảnh tự tướng của tâm, tâm sở của pháp mình. Như cảnh tự tướng, hành tướng cũng vậy, nên hành tướng này không thuộc về mười sáu trước.

Như thế, hai thứ ở vào tất cả thời, một niệm chỉ duyên một việc làm cảnh, nghĩa là khi duyên tâm, không duyên tâm sở, khi duyên thọ, v.v... thì không duyên tướng.

Nếu vậy, vì sao Đức Bạc-già-phạm nói: “Như thật biết rõ có tâm tham, v.v..., không phải đều lúc lấy tham, v.v... và tâm, như không cùng lúc, lấy áo và vết bẩn”. Làm sao trí tha tâm có đối tượng duyên hành tướng, nói là không quán hành tướng đối tượng duyên, do không quán hành tướng đối tượng duyên của tâm người, nghĩa là chỉ biết tâm có nhiệm kia, v.v... không biết tâm sở nhiệm sắc kia, v.v... cũng không biết hành tướng của năng duyên kia. Không như vậy, thì trí tha tâm cũng duyên sắc, v.v... Lại, cũng có công năng tự duyên mất vô lậu, trí tha tâm nên duyên theo cảnh khổ v.v...”.

Vậy thì cũng nên thừa nhận tương ứng với không, Vô tướng. Đã không thừa nhận như thế, thì biết không quán hai. Các tha tâm trí có tướng chắc chắn. Nghĩa là chỉ có thể nhận lấy thuộc về cõi Dục, cõi Sắc và không thuộc về pháp tâm, tâm sở đồng loại hiện tại trong nối tiếp nhau của người khác. Tự tướng nhất thật, làm cảnh của đối tượng duyên. Không, Vô tướng, chẳng tương ứng, chẳng thuộc về tận vô sinh, không ở thấy đạo, pháp khác trong đạo Vô gián không ngăn dứt, như nên chấp nhận có. Tận trí vô sinh trừ không, phi ngã đều có đủ mười

bốn hành tướng khác. Do trái với chuyển biến với tâm xuất quán, nên đối với quán, không có hai hành tướng, nghĩa là khi từ hai trí sau xuất quán, sẽ tự biết rõ sinh tử của ta đã dứt, v.v... Ý trong đây nói tận vô sinh trí, dù là thắng nghĩa mà vẫn đi qua trí thế tục, sự sinh tử của ta đã chấm dứt là thế tục nên không, phi ngã là thắng nghĩa, phải đi qua thắng nghĩa. Vì sau khi quán chắc chắn nhận biết rõ không, phi ngã do đó hai trí này lia không, phi ngã vì hữu lậu, vô lậu.

Vượt qua mười sáu này, có thuộc về hành tướng khác hay không?

Tụng nói:

*Tịnh chẳng vượt mười sáu
Nên nói khác có luận.*

Luận chép: Các sư Đối pháp có một loại nói không vượt qua mười sáu hành tướng vô lậu, vì lia pháp này pháp khác không thể được.

Lẽ nào không có nói tận vô sinh trí, tạ biết rõ sự sanh tử của ta đã hết, v.v... Điều này không trái lại, vì trước đã nói. Nghĩa là trước đã nói quán vô lậu sau, trong trí thế tục, tạo ra hành tướng này không phải trí vô lậu. Hành tướng này chuyển biến do Tận Vô sinh, dẫn khởi tục trí, với công sức tìm tòi ở gốc, nói tận vô sinh trí đã nhận biết rõ, nên thừa nhận trí này lia không, phi ngã, với sức ưa thích của ả ý khiến cho hai trí này, về sau, sẽ dẫn sinh: Sự sanh tử của ta đã hết, v.v..., không phải do hành tướng chuyển biến trong quán này, khiến cho thời gian sau, quán khởi hành tướng. Hành tướng của ta, v.v... mặc dù không có trong quán này, mà do không gặp tự chứng giải thoát. Về nghĩa là nói ở vị trí này lẽ ra phải có: “Phần thế lực của hành tướng: Sự sanh tử của ta, v.v... Do hành tướng thế tục trước dẫn sinh, năng dẫn hành tướng thế tục của thời gian sau, nên lia mười bốn không có tận vô sinh”. Nếu cho, lia mười bốn hành tướng này nên nói là lia mười sáu không có? Điều này không đúng, vì trừ mười bốn, còn lại, có tận vô sinh trí, vì lý không phải cực thành, cho rằng lia mười bốn có khi dựa vào mật nói: chấp sự sanh tử của ta đã hết, v.v..., là tận vô sinh trí, vì ngăn dứt sự chấp kia, nên nói lia mười bốn không có, pháp khác không có lý cực thành, thà được sự ngăn dứt này.

Nếu vậy, đã có trí tha tâm vô lậu, nên vượt qua mười sáu có hành tướng vô lậu, gọi là tha tâm trí, đều dùng một tự tướng thật làm cảnh. Hành tướng của đạo, v.v... đều dùng cộng tướng tụ tập làm cảnh. Tự tướng kia và cộng tướng này đã khác, nên biết được lia mười sáu, chắc chắn có hành tướng vô lậu riêng, vì không phải nhất định thừa nhận,

nên vấn nạn này không đúng, nghĩa là đối với gốc ngã sở không quyết định thừa nhận, hành tướng của cộng tướng chỉ duyên tụ tập, thừa nhận vì có hai Niệm trụ tâm, thọ, như quán thể một thọ là phi thường, khi trí này sinh, dùng hành tướng của cộng tướng để quán một tự tướng thật làm cảnh cực thành.

Như thế, sao không thừa nhận trí của tha tâm vô lậu, dùng hành tướng của cộng tướng để duyên tự tướng nhất thật, nghĩa là biết tâm người là chân đạo, v.v..., tức duyên nhất thật là tướng đạo, v.v... Nếu cho rằng như tiếp nhận tâm niệm trụ duyên chung tâm thọ hiện có của ba đời làm hành tướng của cộng tướng không phải thường, v.v... Trí tha tâm vô lậu cũng duyên chung tâm vô lậu, v.v... của người làm hành tướng đạo, v.v..., ấy là trái với tông mình, vì trí tha tâm khởi, chỉ duyên một tự tướng thật ở hiện tại. Việc này cũng không đúng, vì gia hạnh khác. Gia hạnh của trí này vì muốn biết tâm năng duyên hiện tại của người, có tham, v.v... riêng, tu Gia hạnh không phải thường, v.v... Niệm trụ vì chán trái chung các pháp hữu lậu, do thế lực gia hạnh trước có khác, đến khi thành mãn, biểu hiện duyên chung riêng. Cho nên, không có lỗi so sánh với tương ứng.

Nếu cho rằng “không phải thường”, không phải tự thể của thọ, nên khi quán thọ là không phải thường, không phải duyên một tự tướng thật làm cảnh.

Hỏi: Sao có thể dẫn tha tâm trí của dụ này?

Đáp: Tức nói kia nên thừa nhận thọ chẳng phải “không phải thường”, không nên đối với thọ, khởi quán không phải thường, như thọ và tâm, thể chúng đều khác nhau, chắc chắn không quán thọ làm tâm, dù tức quán thọ cho là không phải thường, nhưng không có lỗi một vật có nhiều thể, lãnh nạp thể của không phải thường không có khác, như sự tổn ích, v.v... không phải lia sự nhận lãnh, hành tướng còn lại, pháp khác cũng vậy.

Nếu vậy, thì sẽ trái với Chí giáo? Như nói đối với thân, trụ theo thân quán, nên nói là pháp trí, cho đến nói rộng. Lại nói: “Quán già chết, nên nói là bốn trí, đều không trái nhau. Vả lại, theo như đầu tiên nói không phải làm sáng tỏ pháp trí, v.v..., lìa mười sáu hành tướng trụ theo thân quán, quán thân là thân, chỉ có quán như thật là không phải thường v.v...”. Trước kia, “Ngã” đã thừa nhận là hành tướng của cộng tướng, thì cũng dùng một tự tướng thật làm cảnh, nên nói kia nói, không trái với ngã. Sau, tiếng già chết gọi chung là thủ uẩn. Quán năm thủ uẩn là chẳng phải thường, v.v... là thuộc về bốn trí, đâu có gì trái nhau?

Nếu vậy, như nói: Khi tiếp nhận lạc thọ, biết rõ như thật cảm thọ về lạc thọ”, làm sao thuộc về pháp trí, loại, đạo, thế tục? Việc này nên tư duy lựa chọn.

Khi cảm thọ hiện tại, thì không biết rõ, vì không tự duyên, cũng không thể nói là biết rõ quá khứ, vị lai, vì quá khứ, vị lai, không gọi là lúc cảm thọ niềm vui, mà khế kinh nói: “Khi cảm thọ lạc thọ, như thật biết rõ thọ ở lạc thọ”.

Nên biết, kinh này nói có mật ý riêng. Giải thích về mật ý này như tận vô sinh, nghĩa là vì lúc sau xuất quán, mới khởi hành tướng này, nên hành tướng vô lậu vượt ngoài mười sáu, không có một loại nào nói là có vượt mười sáu, vì ở luận này nói, như ở luận này nói: Nếu có không trói buộc tâm mà có thể phân biệt rõ pháp thuộc về cõi Dục chẳng Đáo: Có thể phân biệt. Nghĩa là vì không phải thường, vì khổ, vì không, vì không phải ngã, vì nhân, vì tập, vì sinh, vì duyên, nên có lý này, có việc này, như lý đã dẫn phân biệt rõ.

Chứng này không thành, vì không rõ ý của luận. Luận đã nói rõ, không lệ thuộc đa số hành tướng, đối với có duyên thuộc về cõi Dục, nghĩa là căn cứ chấp nhận có nói: Có nói lý này, có nói việc này, là chứng tỏ không có điên đảo, tức là sự lý này, nên pháp khác không có lời nói này, nghĩa là trong luận kia lại nói thế này: Vả, có tâm do kiến dứt, có thể phân biệt rõ pháp thuộc về cõi Dục hay chẳng? Đáp: Có thể phân biệt rõ. Nghĩa là vì ngã, vì ngã sở, vì dứt, vì thường, vì không có nhân, vì không có tạo tác, vì tổn giảm, vì tôn quý, vì vượt hơn, vì trên, vì thứ nhất, vì công năng thanh tịnh, vì công năng giải thoát, vì công năng xuất ly, vì hoặc, vì nghi, vì dự, vì tham, vì giận, vì mạn, vì si, không như lý đã phân biệt rõ. Trừ hành tướng, này không chấp nhận có hành tướng khác, do đó, không nói lời nói: Có lý này, do đều chuyển biến điên đảo. Vì không nói có việc ấy, nên hành tướng tịnh, không vượt qua mười sáu, lý giáo không trái, không thể nghiêng động.

Nói hành tướng có mười sáu. Nghĩa là vì chỉ gọi thật riêng cũng có khác.

Sao gọi là hành tướng? Chủ thể hành, đối tượng hành?

Tụng rằng:

Hành tướng thật mười sáu

Thể ấy chỉ là tuệ

Năng hành có sở duyên

Các pháp hữu sở hành.

Luận chép: Có thuyết nói: Danh hành tướng dù mười sáu, nhưng

sự thật chỉ có bảy. Duyên theo cảnh khổ đế, vì đối trị bốn đảo, nên gọi thật đều có bốn và duyên theo cảnh ba đế.

Gọi là bốn, thực sự là một, nói như thế, thật sự cũng là mười sáu. Vì đối tượng đối trị, đối tượng hành tướng có khác nhau, nên nói tướng bị đối trị có khác nhau. Vì đối trị thường kiến, nên tu hành tướng không phải thường, vì đối trị các hành vui, nên tu hành tướng khổ. Vì đối trị chấp ngã, nên tu hành tướng không. Vì đối trị ngã kiến, nên tu hành tướng phi ngã. Vì đối trị luận vô nhân, nên tu hành tướng nhân. Vì đối trị tự tại, v.v... vì luận một nhân, nên tu hành tướng tập. Vì đối trị nhân chuyển biến, luận nhân thường, nên tu hành tướng sinh. vì đối trị biết, vì luận năng sinh trước, nên tu hành tướng duyên. Vì đối trị trở về tự tại, vì nói về Niết-bàn, nhằm biểu thị rõ các uẩn diệt hẳn, vì là Niết-bàn, nên tu hành tướng diệt, vì đối trị chấp tự thể hiện có giải thoát là hoặc khổ tạp nhiễm, vì không chánh kiến, nên tu hành tướng tĩnh. Vì đối trị chấp Niết-bàn, như bị chú thuật nguyên rửa, bèn gây ra tàn hại, dứt diệt, vì là biện luận xấu xa, hư hoại, nên tu hành tướng diệu. Vì đối trị chấp giải thoát, lại vì lui sụt kiến, nên tu hành tướng ly. Vì đối trị chấp không có đạo Giải thoát, nên tu hành tướng đạo. Vì đối trị khổ hạnh là là kiến chân đạo, và chê bai chân đạo là tà luận, nên tu hành tướng. Như, vì đối trị không tu đạo, sinh tử tự tịnh và nhiễm thế gian, là vì chân đạo, nên tu hành tướng hành. Vì đối trị từng gặp đạo không lìa hẳn nhiễm, đã lừa dối mê hoặc đối với chân Thánh đạo, cũng không cung kính, nên tu hành tướng xuất.

Nói tướng của cảnh đối tượng hành có khác. Nghĩa là khổ Thánh đế có bốn tướng:

1. Không phải thường.
2. Khổ.
3. Không.
4. Không phải ngã.

Vì có sinh diệt, nên không phải thường. Vì tánh ép ngặt, vì trái với tâm Thánh nên khổ. Vì không có chủ thể nên không. Vì trái với tướng ngã, nên phi ngã.

Tập Thánh đế có bốn tướng:

1. Nhân.
2. Tập.
3. Sinh.
4. Duyên.

Vì pháp hay sinh, nên có nhân, vì có nhiều thứ nên tập, vì thường

sản sinh, nên sinh, vì đều giúp riêng, nên duyên (diệt Thánh đế có bốn tướng:)

1. Diệt.
2. Tĩnh.
3. Diệu.
4. Ly.

Vì dứt các khổ nên diệt, vì ba hữu là tướng, là ba lửa đã tắt nên tĩnh.

Có sư khác nói: các khổ chấm dứt nên tĩnh, như kinh nói: “Các Bì-sô! Các hành đều khổ, chỉ có Niết-bàn rất vắng lặng”. Vì thiện, thường nên diệu. Vì tắt cả tai họa giải thoát hẳn nên rất yên ổn tức là ly.

Đạo đế có bốn tướng:

1. Đạo.
2. Như.
3. Hành.
4. Xuất.

Vì có thể tìm cầu thông suốt tướng, tánh các pháp cho đến giải thoát cho nên là Đạo. Vì không điên đảo nên là như. Vì như thật hướng đến cho nên là Hành. Có sư khác nói: “Vì định có thể hướng đến nên hành, như nói đạo này có thể đến thanh tịnh”. Vì kiến khác sẽ không có lý đến thanh tịnh, hoàn toàn hướng đến, quyết có thể đến cho nên là Xuất.

Như thế cảnh của đối tượng đối trị và đối tượng hành, các tướng có riêng nên thật có mười sáu hành tướng. Hành tướng như thế dùng tuệ làm thể nghĩa là chỉ có các tuệ trong cảnh tướng được phân biệt mà chuyển, gọi là hành tướng. Lẽ nào không phải tâm, tâm sở đều gọi là hành tướng? Như thế không có tuệ tương ứng với tuệ, làm sao có thể nói tuệ có hành tướng? Không phải có hành tướng chỉ có tuệ tương ứng với tâm, v.v... Tâm, tâm sở, v.v... đều gọi là có hành tướng, vì đối với phẩm loại tướng ở đối tượng duyên có nghĩa năng thủ. Nếu dựa vào chỉ có tuệ được gọi là hành tướng, thì tâm, tâm sở khác của tuệ cùng với hành tướng, v.v... được gọi là có hành tướng. Như vì các lậu, v.v... được gọi là hữu lậu, là cùng với thể của lậu đồng nghĩa đối trị. Như thế ngoài pháp tâm, tâm sở, v.v... cùng hành ở đối tượng duyên với hành tướng, là cùng lúc hành không có nghĩa trước sau. Hoặc tâm, tâm sở có hành tướng phần nhiều như dĩ tri căn, gọi chung là có hành tướng. Hoặc dựa vào Vô gián cũng nói tiếng là có, như có chỗ dựa nên không có lỗi. Như tâm, tâm sở đều gọi là có chỗ dựa, ý thức tương ứng với pháp tâm, tâm

sở cùng với thức được nương tựa đều sinh cùng lúc, chỗ nương tựa của thức chỉ có Vô gián diệt, lý có hành tướng nên biết cũng vậy. Vô gián diệt, tuệ ở hiện làm sao có khả năng? Tuệ này ở hiện tại có khả năng như Vô gián diệt ý. Nếu vậy nên thọ, v.v... được gọi là thọ, v.v...? Chấp nhận cũng không sai, nhưng không phải điều cần nói.

Tuệ và pháp tâm, tâm sở khác vì có đối tượng duyên đều là khả năng hành, gọi khả năng hành này, nên chỉ là tuệ vì là thể của hành tướng, tâm, tâm sở khác đã không phải hành tướng, đâu thể là năng hành! Nếu nói chỗ khác gọi là năng hành vì tương ứng khởi với hành tướng, thế thì tuệ tương ứng với thọ nên gọi năng thọ? Tuy có lời nói như thế, mà lý không đúng. Nghĩa là tuệ khác với môn, gọi là hành tướng. Khả năng hành tức là tên khác của việc nhận lấy cảnh. Không phải nói khả năng hành là giải thích riêng về tuệ.

Hỏi: Sao do thể của thọ, v.v... Không phải hành tướng?

Đáp: Ấy là tạo ra vấn nạn này, nên không phải năng hành, như tuệ trong cảnh có thể phân biệt, lựa chọn. Ấy là thừa nhận nói tuệ, gọi là chủ thể hành.

Đã tương đối với cảnh, có thể nhận hình tướng, thức năng rõ biết, v.v... sao không phải năng hành?

Cho nên năng hành, vì gọi cả nhận lấy cảnh, nên thọ, v.v... cũng là năng hành. Đối tượng hành là gọi chung tất cả pháp có, hoặc là thật, giả, đều là đối tượng hành.

Do thể của ba môn này có rộng, hẹp, tuệ chung cả hành tướng, chủ thể hành, đối tượng hành. Tâm, tâm sở khác chỉ có năng hành, đối tượng hành. Các pháp hữu khác chỉ là đối tượng hành. Lý ấy khéo, thành không thể nghiêng động.

Đã nói về sự sai khác của hành tướng mười trí. Sau đây, sẽ nói về tánh gồm nhiếp chỗ dựa của thân, chỗ dựa của địa.

Tụng rằng:

*Tánh tục ba, chín thiện
Nương địa tục tất cả
Trí tha tâm chỉ bốn
Pháp sáu, khác bảy, chín.
Hiện khởi, thân chỗ dựa
Tha tâm nương Dục, Sắc
Pháp trí chỉ nương Dục
Còn tám, chung ba cõi.*

Luận chép: Mười trí như thế, thuộc về ba tánh. Nghĩa là trí thế tục

có cả ba tánh, chín trí còn lại chỉ là thiện.

Dựa vào địa khác nhau: Nghĩa là trí thế tục dựa vào cả cõi Dục, cho đến Hữu Đảnh. Tha tâm trí chỉ dựa vào bốn Tĩnh lự căn bản, không dựa vào Tĩnh lự Trung gian, phần gần. Vì đối tượng duyên của trí này rất nhỏ nhiệm, nên sức đạo của địa kia, yếu kém không thể thấu đạt pháp tâm, tâm sở nhỏ nhiệm hiện tại trong sự nối tiếp nhau của người khác, cũng không dựa vào Vô sắc vì không có gia hạnh này. Lại vì chung cả tánh, nên địa khác không phải dựa năm, vì có cả chỉ quán đối tượng nương dựa, v.v.... Pháp trí đều lấy sáu địa làm chỗ nương tựa, nghĩa là Vị chí, Trung gian, bốn tĩnh lự căn bản, không nương dựa phần gần khác, vì phần kia chỉ hữu lậu, cũng không nương dựa Vô sắc, vì trí này duyên cõi Dục. Bảy trí khác dùng chín địa làm chỗ dựa, nghĩa là ba Vô sắc dưới và sáu địa đã nói ở trước, nói chung như thế, nhưng có sai khác, nghĩa là loại trí trong bảy thứ trí đã nói ở đây, chắc chắn căn cứ chín địa khởi. Khổ, tập, diệt, đạo, tận, vô sinh trí, khổ pháp trí gồm nhiếp sáu địa làm chỗ dựa. Loại trí gồm nhiếp, nghĩa là chỗ dựa chung cho chín địa.

Dựa vào thân có khác nhau: nghĩa là tha tâm trí, chỗ dựa cõi Dục, cõi Sắc đều có thể hiện tiền, không có chỗ dựa Vô sắc, vì cõi này tự không có thân, nên không khởi. Tha tâm trí của địa dưới: Trí này tùy chuyển vận cõi Sắc, cõi Vô sắc kia không có chấp nhận khởi. Pháp trí chỉ dựa vào thân cõi Dục khởi, không phải hai cõi trên nhập, xuất trí này, các tâm hữu lậu chỉ vì cõi Dục có, lại, pháp trí tùy chuyển vận cõi Sắc, dựa vào đại chủng chỉ thuộc về cõi Dục, lại trí này có thể trị hoặc khởi phá giới, phá giới chỉ ở cõi Dục, không phải cõi trên. Tám trí còn lại hiện khởi, chỗ dựa chung thân ba cõi.

Đã nói về tánh, địa, thân, sẽ nói thuộc về niệm trụ:

Tụng rằng:

Các trí thuộc niệm trụ

Diệt trí chỉ sau cùng

Tha tâm trí ba sau

Tám trí khác có bốn.

Luận chép: Diệt trí gồm thân trong pháp niệm trụ, tha tâm trí gồm nhiếp ba niệm trụ sau. Tám trí còn lại đều có cả bốn niệm trụ.

Mười trí như thế lần lượt đối nhau, mỗi trí sẽ nói có bao nhiêu trí làm cảnh?

Tụng rằng:

Các trí duyên lẫn nhau

*Pháp, loại, đạo đều chín
Khổ, tập trí đều hai
Bốn đều mười diệt không.*

Luận chép: Pháp trí có thể duyên chín trí làm cảnh, trừ loại trí, loại trí có thể duyên chín trí làm cảnh trừ pháp trí, đạo trí có thể duyên chín trí làm cảnh trừ trí thế tục vì không thuộc về đạo, nên hai trí khổ, tập, mỗi trí có thể duyên hai trí làm cảnh. Nghĩa là trí thế tục và trí tha tâm hữu lậu, thế tục, tha tâm, tận vô sinh trí. Bốn trí này đều duyên mười trí làm cảnh. Diệt trí không duyên các trí làm cảnh, chỉ dùng trạch diệt làm đối tượng duyên.

Đối tượng duyên của mười trí, gồm có bao nhiêu pháp? Trí nào có bao nhiêu pháp làm cảnh ở đối tượng duyên?

Tụng rằng:

*Sở duyên gồm có mười
Tức vô lậu ba cõi
Vô vi đều có hai
Duyên tục mười, pháp năm
Loại bảy, khổ, tập sáu
Diệt duyên một, đạo hai
Tha tâm trí duyên ba
Tận Vô sinh đều chín.*

Luận chép: Đối tượng duyên của mười trí, gồm có mười pháp. Nghĩa là pháp hữu vi được chia làm tám thứ. Hữu vi vô lậu thuộc về ba cõi, đều có tương ứng và không tương ứng. Vô vi chia làm hai thứ, là thiện và vô ký khác nhau. Tục trí duyên chung mười pháp làm cảnh.

Pháp trí duyên năm. Nghĩa là cõi Dục có hai, đạo vô lậu có hai và vô vi thiện.

Loại trí duyên bảy. Nghĩa là đạo vô lậu của sắc, Vô sắc có sáu và vô vi thiện.

Khổ, Tập trí đều duyên thuộc về ba cõi có sáu. Diệt trí duyên một, nghĩa là vô vi thiện. Đạo trí duyên hai, nghĩa là đạo vô vi thiện. Đạo trí duyên hai, nghĩa là đạo vô lậu. Tha tâm trí duyên pháp tương ứng của ba vô lậu cõi Dục, cõi Sắc. Tận vô sinh trí duyên hữu vi tám và vô vi thiện.

Có một niệm trí duyên tất cả pháp hay không? Không như vậy thì chẳng lẽ không phải trí quán phi ngã, biết tất cả pháp đều không phải ngã chẳng?

Trí này cũng không thể duyên tất cả pháp.

Không duyên pháp nào? Thế này là gì?
Tụng rằng:

*Tục trí trừ phẩm mình
Duyên chung tất cả pháp
Vì hành tướng phi ngã
Do văn, tư, tu thành.*

Luận chép: Do trí thế tục khi quán tất cả pháp làm phi ngã, cũng trừ phẩm mình. Phẩm mình, nghĩa là tự thể tương ứng đều có pháp.

Vì sao không duyên tự thể làm cảnh. Các pháp Đối pháp lập nhân này nói: Các pháp tất nhiên không có tự thể đối đãi, tức do lý này không duyên tương ứng, vì chuyển vận với một cảnh tương ứng, nên thừa nhận duyên tương ứng bèn phải chấp nhận tự duyên, cũng không thể duyên pháp câu hữu, nghĩa là vì pháp câu hữu rất gần nhau, như mắt không thấy sắc giúp đỡ nhãn căn. Khế kinh cũng nói: Trong một sát-na, trí không thể biết tức khắc cảnh của tất cả pháp. Như khế kinh nói: Không có Sa-môn, Bà-la-môn, v.v... đối với tất cả pháp thấy tức khắc, biết tức khắc. Nghĩa y cứ chỉ là dần dần, trí này chỉ thuộc về cõi Dục, cõi Sắc. Trong cõi Vô sắc, dù có loại này, nhưng duyên pháp ít, không phải trí sáng suốt, trí này là tuệ do văn, tư, tu mà thành, đều có thể trừ phẩm mình, duyên tất cả pháp.

Đã nói về đối tượng duyên, lại nên tư duy lựa chọn.
Ai thành tựu bao nhiêu trí?

Tụng rằng:

*Phàm phu, Thánh thấy đạo
Đầu niệm định thành một
Hai định thành ba trí
Bốn sau, mỗi mỗi tăng
Tu đạo, định thành bảy
Lìa dục, tăng tha tâm
Vô học căn lợi, độn
Định thành chín, thành mười.*

Luận chép: Các vị phàm phu và thấy đạo Thánh, sát-na thứ chắc chắn thành một trí, đó là trí thế tục, sát-na thứ hai, chắc chắn thành ba trí, nghĩa là thêm pháp trí, khổ, trí. Thứ tư, sáu, mười, mười bốn sát-na, như thứ lớp sau sau, thêm trí loại, tập, diệt, đạo, vì các vị chưa thêm, thành số như trước, nên trong vị tu, cũng chắc chắn thành bảy.

Các vị như thế, nếu đã lìa dục, thì mỗi vị đều tăng một, nghĩa là tha tâm trí chỉ trừ phàm phu sinh Vô sắc, nhưng quả vị phàm phu và

trong thấy đạo, chỉ có thể thành tựu lúc đầy đủ hai thứ: tha tâm trí, và Đạo loại trí. Bấy giờ, đầu tiên vì được quả Bất hoàn, nên gồm được vô lậu để thành thể quả. Trong vị tu khác, đều đủ thành hai.

Người sinh cõi Vô sắc, bèn xả thế tục trí. Các thời giải thoát chắc chắn thành chín trí. Nghĩa là thêm tận trí. Bất thời giải thoát chắc chắn thành tựu mười, nghĩa là thêm Vô sinh.

